

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Báo cáo tài chính năm 2025

kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/09/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 23 ngày 08/09/2025 được cấp bởi Sở Tài chính TP.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ đăng ký	128.070.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 31/12/2025	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Hội Đồng Quản Trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên
Ông Đặng Việt Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Khoa Đình Hoàng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Nhung	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NĂM

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô Số A77/I, Đường Số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Tp. HCM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận kinh doanh năm 2025 lỗ: (2.501.311.780) đồng.

Lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2025 là: (90.662.933.373) đồng.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN

Chủ tịch HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Số: 387.../BCKT/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Thủy sản ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại báo cáo kiểm toán số 268/2024/DFK-BCKiT ngày 28 tháng 03 năm 2025, kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế

Toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám Đốc



NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC

Số giấy CNĐKHNKT 1091-2023-142-1

Kiểm toán viên

LÊ LINH PHƯƠNG

Số giấy CNĐKHNKT 5915-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151.641.950.595	150.279.981.834
<i>I . Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	901.465.487	670.863.138
1 . Tiền	111		901.465.487	670.863.138
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II . Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.2.1	322.509.600	266.198.400
1 . Chứng khoán kinh doanh	121		531.000.000	531.000.000
2 . Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(208.490.400)	(264.801.600)
<i>III . Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		7.527.048.498	17.972.941.641
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.488.966.662	7.919.300.433
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		114.831.500	122.768.000
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	923.250.336	9.930.873.208
<i>IV . Hàng tồn kho</i>	140	V.5	133.395.284.308	131.294.907.721
1 . Hàng tồn kho	141		147.811.690.855	145.618.504.274
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.416.406.547)	(14.323.596.553)
<i>V . Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		9.495.642.702	75.070.934
1 . Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.10	9.495.642.702	75.070.934
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.459.858.062	37.647.134.726
<i>I . Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II . Tài sản cố định</i>	220		14.967.058.062	16.821.924.262
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	8.178.088.151	9.746.531.595
- Nguyên giá	222		119.844.126.857	119.804.626.857
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(111.666.038.706)	(110.058.095.262)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	6.788.969.911	7.075.392.667
- Nguyên giá	228		15.210.878.493	15.210.878.493
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.421.908.582)	(8.135.485.826)
<i>III . Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV . Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	-
<i>V . Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.2.2	13.492.800.000	20.825.210.464
1 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.992.000.000	14.992.000.000
2 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		14.887.015.186	22.219.425.650
3 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.386.215.186)	(16.386.215.186)
<i>VI . Tài sản dài hạn khác</i>	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		180.101.808.657	187.927.116.560

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		97.317.466.562	102.641.462.685
I . Nợ ngắn hạn	310		46.036.205.512	43.732.795.171
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	9.513.379.385	12.929.155.634
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	1.948.022.336	1.076.499.310
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	274.098.541	237.327.772
4 . Phải trả người lao động	314	V.11	3.192.550.514	2.842.040.352
5 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	4.845.759.245	5.566.561.535
6 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	21.472.087.236	16.178.245.020
7 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	4.790.308.255	4.902.965.548
II . Nợ dài hạn	330		51.281.261.050	58.908.667.514
1 . Phải trả dài hạn khác	337	V.12	39.480.591.050	46.813.001.514
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	11.800.670.000	12.095.666.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		82.784.342.095	85.285.653.875
I . Vốn chủ sở hữu	410	V.15	82.784.342.095	85.285.653.875
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		128.070.000.000	128.070.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.070.000.000	128.070.000.000
2 . Thặng dư vốn cổ phần	412		24.156.097.000	24.156.097.000
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		21.221.178.468	21.221.178.468
4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(90.662.933.373)	(88.161.621.593)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(88.161.621.593)	(88.440.254.738)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(2.501.311.780)	278.633.145
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		180.101.808.657	187.927.116.560

35011729
 CÔNG TY
 TNHH
 DỊCH VỤ TƯ VẤN
 CHÍNH KẾ TÍNH
 VÀ KIỂM TOÁN
 PHÍA NAM
 T.P.HỒ CHÍ MINH



PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG
 Người lập
 Ngày 30 tháng 03 năm 2026



PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG
 Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
 Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		42.989.723.850	45.439.820.007
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	42.989.723.850	45.439.820.007
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	31.496.482.146	34.459.983.385
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.493.241.704	10.979.836.622
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	246.753.779	256.910.055
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.471.902.262	1.740.389.515
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.470.911.765	1.101.681.310
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.687.755.448	3.065.946.299
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9.776.038.382	6.047.541.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.195.700.609)	382.869.380
11. Thu nhập khác	31		5.880.348	77.437.499
12. Chi phí khác	32		311.491.519	181.673.734
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	(305.611.171)	(104.236.235)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.501.311.780)	278.633.145
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.501.311.780)	278.633.145
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(195)	22

Phue

PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG
 Người lập
 Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Phue

PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG
 Kế toán trưởng




NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
 Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	(2.501.311.780)	278.633.145
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.894.366.200	1.926.312.482
- Các khoản dự phòng	03	(56.311.200)	(3.824.796.790)
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.533.683	(251.472.817)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(6.016.937)	(27.741.077)
- Chi phí lãi vay	06	1.470.911.765	1.101.681.310
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	808.171.731	(797.383.747)
- Giảm các khoản phải thu	09	1.021.070.541	4.474.373.602
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(2.100.376.587)	4.501.046.397
- (Giảm) các khoản phải trả	11	(2.913.316.708)	(5.793.765.139)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.470.911.765)	(1.101.681.310)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	200.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(112.657.293)	(69.280.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.768.020.081)	1.213.509.803
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(39.500.000)	(92.000.000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	27.500.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.016.937	241.077
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(33.483.063)	(64.258.923)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu từ đi vay	33	43.694.034.833	29.019.459.448
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(38.672.211.708)	(29.572.077.907)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.021.823.125	(552.618.459)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	220.319.981	596.632.421
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	670.863.138	74.230.717
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	10.282.368	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	901.465.487	670.863.138


PHẠM THỊ BÍCH PHƯỢNG
 Người lập
 Ngày 30 tháng 03 năm 2026


PHẠM THỊ BÍCH PHƯỢNG
 Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
 Chủ tịch HĐQT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 23 ngày 08/09/2025 được cấp bởi Sở Tài chính TP.Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ đăng ký:	128.070.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 31/12/2025:	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp để so sánh với số liệu cuối kỳ.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2025: 95 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 98 nhân viên).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo. Cơ sở của kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.



2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách, nguyên tắc kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh;

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều các khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Phân loại:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại:

Các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

8. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong năm theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ khen thưởng phúc lợi

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong năm.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

21. Công cụ tài chính

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	69.530.875	595.907.279
- Tiền gửi ngân hàng	831.934.612	74.955.859
+ VND	341.819.618	54.683.474
+ USD	480.177.445	11.763.683
+ EUR	9.937.549	8.508.702
Cộng	901.465.487	670.863.138

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Chứng khoán kinh doanh	531.000.000	322.509.600	208.490.400	531.000.000	266.198.400	264.801.600
Cộng	531.000.000	322.509.600	208.490.400	531.000.000	266.198.400	264.801.600

Khoản đầu tư mua 11.376 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2025, được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	<u>ngàn VND</u>	<u>ngàn VND</u>	<u>ngàn VND</u>	<u>ngàn VND</u>	<u>ngàn VND</u>	<u>ngàn VND</u>
- Đầu tư vào công ty liên kết	14.992.000	-	1.499.200	14.992.000	-	1.499.200
- Đầu tư vào đơn vị khác	14.887.015	-	14.887.015	22.219.426	-	14.887.015
Cộng	29.879.015	-	16.386.215	37.211.426	-	16.386.215

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và các khoản đầu tư dài hạn tại ngày kết thúc giữa niên độ kế toán.

2.2.1. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá trị đầu tư	
	31/12/2025	01/01/2025
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tên Công ty		
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ	14.992.000.000	14.992.000.000
Cộng	14.992.000.000	14.992.000.000

Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000,00 USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2025 là 900.000,00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng. Incomfish US hiện tại chủ yếu làm đại diện quảng bá thương hiệu tại thị trường Hoa Kỳ cho Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản nên tình hình tài chính của Incomfish US không có nhiều biến động trong các năm gần đây. Do vậy, Công ty không xem xét việc trích lập (hoàn nhập) thêm dự phòng cho khoản đầu tư này.

2.2.2. Đầu tư dài hạn khác

	Giá trị đầu tư	
	31/12/2025	01/01/2025
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tên Công ty		
Công ty TNHH SXKD Dịch vụ Sa Ga	14.887.015.186	22.219.425.650
Cộng	14.887.015.186	22.219.425.650

Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga với mục đích đầu tư nhằm xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh ("Dự án") với số vốn góp tại ngày 31/12/2025 là 14.887.015.186 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304133361 ngày 05/07/2012).

Hiện Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga đã tạm dừng hoạt động do dự án không được triển khai, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 100% cho khoản đầu tư này. Trong năm Công ty đã thu hồi được 7.332.410.464 đồng vốn góp thông qua phương án cần trừ công nợ theo biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01/BB-HĐQT.ICF ngày 09/01/2026.

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	6.488.966.662	7.919.300.433
- Kim Distri	1.986.454.591	1.926.413.688
- IFC Seafood Inc	1.399.474.359	5.377.166.361
- Ze Hui Co., Ltd	2.443.408.934	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	659.628.778	615.720.384
Cộng	6.488.966.662	7.919.300.433

4. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	923.250.336	-	9.930.873.208	-
- Thuế GTGT đầu vào chờ hoàn thuế	-	-	8.974.744.349	-
- Tạm ứng	716.470.954	-	749.349.477	-
- Phải thu ngắn hạn khác	206.779.382	-	206.779.382	-
Cộng	923.250.336	-	9.930.873.208	-

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	135.682.016.604	(8.181.244.822)	130.113.436.097	(11.798.753.630)
+ NVL nhập khẩu	39.093.678	-	1.446.225.350	-
+ NVL trong nước	1.702.004.500	-	1.666.454.460	-
+ Bán thành phẩm	128.847.713.819	(8.181.244.822)	121.953.868.163	(11.798.753.630)
+ Vật liệu phụ, bao bì	5.093.204.607	-	5.046.888.124	-
- Công cụ, dụng cụ	3.050.154.403	-	3.046.274.594	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	79.926.817	-	84.447.582	-
- Thành phẩm	8.999.593.031	(6.235.161.725)	12.374.346.001	(2.524.842.923)
Cộng	147.811.690.855	(14.416.406.547)	145.618.504.274	(14.323.596.553)

- Giá trị Hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản nợ phải trả: Không có
- Hàng tồn kho kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ: Không có
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích bổ sung đối với một số hàng hóa chậm luân chuyển.

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2025	43.718.683.540	68.402.792.556	5.828.872.674	1.854.278.087	119.804.626.857
- Tăng trong năm	-	-	-	39.500.000	39.500.000
+ Mua trong năm	-	-	-	39.500.000	39.500.000
Tại ngày 31/12/2025	43.718.683.540	68.402.792.556	5.828.872.674	1.893.778.087	119.844.126.857
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2025	37.493.865.428	64.947.998.418	5.761.953.329	1.854.278.087	110.058.095.262
- Tăng trong năm	792.758.784	744.973.649	66.919.345	3.291.666	1.607.943.444
+ Khấu hao trong năm	792.758.784	744.973.649	66.919.345	3.291.666	1.607.943.444
Tại ngày 31/12/2025	38.286.624.212	65.692.972.067	5.828.872.674	1.857.569.753	111.666.038.706
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	6.224.818.112	3.454.794.138	66.919.345	-	9.746.531.595
Tại ngày 31/12/2025	5.432.059.328	2.709.820.489	-	36.208.334	8.178.088.151

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 62.382.825.098 đồng.
 Nhà xưởng đảm bảo thể chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 13 trang 24 đã được mua bảo hiểm mọi rủi ro về tài sản theo hợp đồng số: P-26/DSG/P39/3111/000002 ngày 08/01/2026 với Công ty Bảo hiểm Pjico Đông Sài Gòn. Thời hạn bảo hiểm từ ngày 09/01/2026 đến ngày 09/01/2027.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2025	5.712.920.000	9.284.870.893	213.087.600	15.210.878.493
Tại ngày 31/12/2025	5.712.920.000	9.284.870.893	213.087.600	15.210.878.493
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2025	5.712.920.000	2.209.478.226	213.087.600	8.135.485.826
- Tăng trong năm	-	286.422.756	-	286.422.756
+ Khấu hao trong năm	-	286.422.756	-	286.422.756
Tại ngày 31/12/2025	5.712.920.000	2.495.900.982	213.087.600	8.421.908.582
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2025	-	7.075.392.667	-	7.075.392.667
Tại ngày 31/12/2025	-	6.788.969.911	-	6.788.969.911

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.926.007.600 đồng.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn theo giấy chứng nhận số CI 545614 cấp ngày 21/06/2017 tại địa chỉ lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - Khu công nghiệp Vĩnh Lộc - Phường Bình Tân - Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích: 20.802 m². Thời hạn thuê đất đến tháng 9/2049.

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	9.513.379.385	9.513.379.385	12.929.155.634	12.929.155.634
- Ze Hui Co., Ltd	4.472.509.178	4.472.509.178	4.013.209.463	4.013.209.463
- Tai Foong USA	1.081.457	1.081.457	770.791.140	770.791.140
- Cơ sở mắm bà Giáo Khoẻ 666666	-	-	1.895.007.801	1.895.007.801
- Nichimo International Inc	-	-	648.504.852	648.504.852
- Công ty TNHH MTV TM - DV Thực phẩm tươi sống Ba Trầm	1.199.338.520	1.199.338.520	980.990.920	980.990.920
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	3.840.450.230	3.840.450.230	4.620.651.458	4.620.651.458
Cộng	9.513.379.385	9.513.379.385	12.929.155.634	12.929.155.634

9. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	1.948.022.336	1.076.499.310
- Ze Hui Co., Ltd	1.609.753.394	1.049.499.310
- UTIC CO., LTD	307.381.942	-
- Người mua khác trả tiền trước ngắn hạn	30.887.000	27.000.000
Cộng	1.948.022.336	1.076.499.310

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải thu	Số đã thu/ khấu trừ	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế GTGT được khấu trừ				
- Thuế GTGT được khấu trừ	75.070.934	9.793.460.081	372.888.313	9.495.642.702
Cộng	75.070.934	9.793.460.081	372.888.313	9.495.642.702
		Trong kỳ		
	01/01/2025	Số phải nộp	Số đã nộp/ khấu trừ	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế GTGT hàng nội địa	-	370.401.313	370.401.313	-
- Thuế TNCN	26.225.006	176.801.450	140.030.681	62.995.775
- Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các loại thuế khác	211.102.766	180.000	180.000	211.102.766
Cộng	237.327.772	550.382.763	513.611.994	274.098.541

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Phải trả lương người lao động	3.192.550.514	2.842.040.352
Cộng	3.192.550.514	2.842.040.352

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn	4.845.759.245	5.566.561.535
- Kinh phí công đoàn	119.322.460	-
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	133.545.000	546.766.911
- Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	50.000.000	50.000.000
- Lê Thị Thu Vân	424.843.570	840.000.000
- Phải trả khác	4.118.048.215	4.129.794.624
b. Dài hạn (*)	39.480.591.050	46.813.001.514
- Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	24.644.757.675	31.977.168.139
- Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thùy	11.755.833.375	11.755.833.375
- Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thu	3.080.000.000	3.080.000.000
Cộng	44.326.350.295	52.379.563.049

Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VII.01

(*) Phải trả khác dài hạn cho các cá nhân là các khoản mượn tiền, có thời hạn thanh toán trên 01 năm và không tính lãi suất.



13. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025	Trong năm		31/12/2025
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn	16.178.245.020	43.671.057.924	38.377.215.708	21.472.087.236
- NH Vietcombank (13.1)	7.913.245.020	36.971.057.924	35.577.215.708	9.307.087.236
+ Vay VND	3.522.162.584	20.921.714.808	17.806.956.286	6.636.921.106
+ Vay USD	4.391.082.436	16.049.343.116	17.770.259.422	2.670.166.130
- Các khoản vay cá nhân (13.2)	8.265.000.000	6.700.000.000	2.800.000.000	12.165.000.000
+ Nguyễn Thị Kim Thu	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
+ Nguyễn Thị Kim Thủy	1.120.000.000	-	-	1.120.000.000
+ Nguyễn Thị Kim Xuân	500.000.000	-	-	500.000.000
+ Nguyễn Hoàng Ngọc Trang	1.800.000.000	100.000.000	-	1.900.000.000
+ Nguyễn Thị Trúc Ly	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
+ Võ Thị Tố Tâm	-	2.200.000.000	1.000.000.000	1.200.000.000
+ Nguyễn Hoàng Thông	2.845.000.000	3.400.000.000	800.000.000	5.445.000.000
b. Vay dài hạn (13.3)	12.095.666.000	-	294.996.000	11.800.670.000
- Nguyễn Thị Kim Xuân	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
- Nguyễn Thị Kim Thu	2.220.000.000	-	-	2.220.000.000
- Nguyễn Hoàng Ngọc Trang	5.875.666.000	-	294.996.000	5.580.670.000
Cộng	28.273.911.020	43.671.057.924	38.672.211.708	33.272.757.236

(13.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng cấp tín dụng số 36/521051/25-DN2/N-CTD ngày 09/06/2025. Hạn mức tín dụng là 12.000.000.000 đồng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2025 bao gồm 6.636.921.106 đồng và 101.230,85 USD. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này bao gồm:

✓ Thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và công trình nhà máy chế biến thủy sản tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu năm 2005), địa chỉ: Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Tp.HCM theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0789/NHNT ký ngày 16/8/2017 giữa Ngân hàng và khách hàng cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có).

✓ Thế chấp tài sản là các công trình phụ trợ ngoài phạm vi công trình chính tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu năm 2005), địa chỉ: Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Tp.HCM theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0169/1938/TCDN2 ký ngày 05/9/2019 giữa Ngân hàng và khách hàng cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có).

(13.2) Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 3 đến 12 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất 150% * lãi suất cơ bản của ngân hàng Việt Nam theo từng thời điểm vay.

(13.3) Các khoản vay dài hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 24 đến 36 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất vay thỏa thuận theo từng thời điểm cụ thể.

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	01/01/2025	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
- Quỹ khen thưởng	3.974.033.418	-	-	3.974.033.418
- Quỹ phúc lợi	928.932.130	-	112.657.293	816.274.837
Cộng	4.902.965.548	-	112.657.293	4.790.308.255

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN
 Lô số A77/II, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

15. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(88.440.254.738)	85.007.020.730
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	278.633.145	278.633.145
Tại ngày 31/12/2024	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(88.161.621.593)	85.285.653.875
Tại ngày 01/01/2025	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(88.161.621.593)	85.285.653.875
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(2.501.311.780)	(2.501.311.780)
Tại ngày 31/12/2025	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(90.662.933.373)	82.784.342.095

15.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn góp chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	128.070.000.000	128.070.000.000
Vốn góp tăng trong năm	128.070.000.000	128.070.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
	128.070.000.000	128.070.000.000
	-	-

15.3 Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	12.807.000	12.807.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND/cổ phiếu	10.000	10.000



16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

16.1. Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
Dollar Mỹ (USD)	18.431,44	465,79
Euro Mỹ (EUR)	327,18	326,21

16.2. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Hyl International	1.055.093.543	1.055.093.543
- Golden Harvest Seafood Corporation	985.076.659	985.076.659
- Dragon Sourcing	9.087.663.520	9.087.663.520
- Các khách hàng khác	1.503.011.935	1.503.011.935
Cộng	12.630.845.657	12.630.845.657

Nguyên nhân xóa sổ nợ khó đòi: Khách hàng đã thay đổi địa điểm trụ sở và không có khả năng thanh toán nợ.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Doanh thu xuất khẩu	36.871.706.321	39.946.149.249
- Doanh thu bán hàng nội địa	1.871.983.789	1.046.662.200
- Doanh thu khác	4.246.033.740	4.447.008.558
Cộng	42.989.723.850	45.439.820.007
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.989.723.850	45.439.820.007

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	31.403.672.152	34.459.983.385
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.636.676.552)	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.729.486.546	-
Cộng	31.496.482.146	34.459.983.385

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi	328.937	241.077
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.688.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	240.736.842	256.668.978
Cộng	246.753.779	256.910.055

4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.470.911.765	1.101.681.310
- Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	(56.311.200)	55.742.400
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.768.014	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.533.683	582.965.805
Cộng	1.471.902.262	1.740.389.515

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nhân viên	710.544.796	771.728.145
- Chi phí xuất hàng, vận chuyển	1.662.745.939	2.107.596.588
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.191.522	36.987.603
- Chi phí bằng tiền khác	185.273.191	149.633.963
Cộng	2.687.755.448	3.065.946.299

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	7.642.106.058	7.774.563.477
- Chi phí đồ dùng văn phòng	94.315.471	59.464.900
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.519.345	7.200.000
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(3.880.539.190)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.921.481.551	1.555.449.641
- Chi phí bằng tiền khác	47.615.957	531.402.655
Cộng	9.776.038.382	6.047.541.483

7. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập khác		
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	27.500.000
- Thu nhập khác	5.880.348	49.937.499
Cộng	5.880.348	77.437.499
Chi phí khác		
- Các khoản nộp chậm, nộp phạt vi phạm hành chính	20.897.038	116.532.101
- Chi phí khác	290.594.481	65.141.633
Cộng	311.491.519	181.673.734
Lợi nhuận khác	(305.611.171)	(104.236.235)

8. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.501.311.780)	278.633.145
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.943.581.682	680.674.751
- Chi phí lãi vay không được trừ	1.120.137.239	193.283.172
- Các khoản chi phí khác không được trừ	1.123.130.754	181.673.734
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	(305.717.845)	-
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	6.031.534	305.717.845
- Thu nhập chịu thuế	(557.730.098)	959.307.896
- Chuyển lỗ	-	(959.307.896)
Thu nhập tính thuế	(557.730.098)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.501.311.780)	278.633.145
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc (giảm)	-	-
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.501.311.780)	278.633.145
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.807.000	12.807.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(195)	22

10. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

10.1 Thông tin về các bên liên quan

STT	ĐỐI TƯỢNG	MỐI QUAN HỆ
1	Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	- Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Cổ đông lớn
2	Bà Nguyễn Thị Kim Thu	- Phó Tổng Giám đốc/thành viên HĐQT - Cổ đông lớn
3	Bà Nguyễn Thị Kim Thủy	- Cổ đông lớn
4	Ông Đặng Việt Hùng	- Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT
5	Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ	- Công ty liên kết



10.2 Giá trị giao dịch

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban tổng Giám đốc

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc		
- Bà Nguyễn Thị Kim Thu	382.697.813	371.827.753
- Ông Đặng Việt Hùng	376.457.276	392.589.154
Cộng	759.155.089	764.416.907

Số dư các khoản phải thu/ phải trả đối với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nợ phải trả		
- Bà Nguyễn Thị Kim Thủy	12.875.833.375	12.875.833.375
- Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	29.144.757.675	36.477.168.139
- Bà Nguyễn Thị Kim Thu	7.300.000.000	7.300.000.000
Vay phải trả		
- Bà Nguyễn Thị Kim Thủy	1.120.000.000	1.120.000.000
- Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	4.500.000.000	4.500.000.000
- Bà Nguyễn Thị Kim Thu	4.220.000.000	4.220.000.000

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không có bất kỳ các Quyết định của các Cơ quan quản lý nào buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG
Người lập
Ngày 30 tháng 03 năm 2026



PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
Chủ tịch HĐQT